

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1001 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010001	Đặng Hà Thái An	Nam	26/03/2010	10.3
2	20010002	Hứa Huỳnh An	Nam	22/10/2010	10.7
3	20010003	Lâm Hoàng An	Nam	05/04/2010	10.7
4	20010004	Lê Phan Trường An	Nam	06/10/2010	10.11
5	20010005	Nguyễn Thúy An	Nữ	07/10/2010	10.10
6	20010006	Nguyễn Trần Khánh An	Nam	04/07/2010	10.6
7	20010007	Phạm Như An	Nữ	28/06/2010	10.6
8	20010008	Quách Nguyễn Trường An	Nam	31/03/2010	10.9
9	20010009	Dư Trọng Quốc Anh	Nam	10/03/2010	10.7
10	20010010	Đặng Ngọc Trâm Anh	Nữ	13/01/2010	10.4
11	20010011	Đoàn Quỳnh Anh	Nữ	30/08/2010	10.2
12	20010012	Đoàn Thị Quỳnh Anh	Nữ	15/07/2010	10.3
13	20010013	Hà Phương Anh	Nữ	13/10/2010	10.8
14	20010014	Hoàng Bảo Anh	Nữ	05/08/2010	10.10
15	20010015	Lâm Tuấn Anh	Nam	09/01/2010	10.3
16	20010016	Lê Nguyễn Nguyệt Anh	Nữ	29/01/2010	10.5
17	20010017	Lê Phương Anh	Nữ	03/10/2010	10.4
18	20010018	Lê Phương Anh	Nữ	06/08/2010	10.9
19	20010019	Lê Thị Hồng Anh	Nữ	16/03/2010	10.9
20	20010020	Lê Thị Quỳnh Anh	Nữ	03/08/2010	10.3
21	20010021	Lê Thị Vân Anh	Nữ	15/11/2010	10.8
22	20010022	Lê Trọng Anh	Nam	05/04/2010	10.7
23	20010023	Lê Tuấn Anh	Nam	16/01/2009	10.5
24	20010024	Lương Ngọc Tuấn Anh	Nam	03/04/2010	10.8
25	20010025	Lương Nguyễn Vân Anh	Nữ	19/12/2010	10.8
26	20010026	Nguyễn Anh	Nam	09/09/2010	10.9

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1002 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010027	Nguyễn Đặng Phương Anh	Nữ	17/11/2010	10.3
2	20010028	Nguyễn Đình Hoàng Anh	Nam	24/09/2010	10.3
3	20010029	Nguyễn Lê Đức Anh	Nam	04/01/2010	10.1
4	20010030	Nguyễn Nhựt Anh	Nam	19/08/2009	10.3
5	20010031	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	06/05/2010	10.6
6	20010032	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	25/12/2010	10.8
7	20010033	Nguyễn Văn Việt Anh	Nam	21/11/2010	10.9
8	20010034	Nguyễn Vân Anh	Nữ	25/11/2010	10.3
9	20010035	Nguyễn Việt Anh	Nam	12/01/2010	10.5
10	20010036	Phạm Hà Anh	Nữ	10/03/2010	10.2
11	20010037	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	31/08/2010	10.6
12	20010038	Trần Hoàng Việt Anh	Nam	02/05/2010	10.10
13	20010039	Trần Minh Anh	Nữ	29/07/2010	10.7
14	20010040	Trần Thị Phương Anh	Nữ	09/09/2010	10.5
15	20010041	Trần Thị Quý Hoàng Anh	Nữ	17/11/2010	10.11
16	20010042	Trịnh Bùi Quỳnh Anh	Nữ	16/11/2010	10.3
17	20010043	Trương Nguyễn Việt Anh	Nam	29/01/2010	10.1
18	20010044	Võ Nguyễn Duyên Anh	Nữ	14/12/2010	10.11
19	20010045	Võ Nguyễn Trúc Anh	Nữ	04/09/2010	10.2
20	20010046	Thái Thị Ngọc Ánh	Nữ	20/12/2010	10.9
21	20010047	Hồ Hoài Bảo	Nam	23/03/2010	10.6
22	20010048	Lâm Gia Bảo	Nam	09/07/2010	10.4
23	20010049	Lê Duy Bảo	Nam	06/08/2010	10.1
24	20010050	Nguyễn Lê Gia Bảo	Nam	24/04/2010	10.2
25	20010051	Nguyễn Thiên Bảo	Nam	09/03/2010	10.3
26	20010052	Trương Gia Bảo	Nam	20/11/2010	10.6

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1003 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010053	Vương Gia Bảo	Nam	30/03/2009	10.11
2	20010054	Huỳnh Nguyễn Khánh Băng	Nữ	13/11/2010	10.6
3	20010055	Lê Hữu Bằng	Nam	14/01/2009	10.8
4	20010056	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	01/07/2010	10.8
5	20010057	Trần Thị Bích	Nữ	14/11/2010	10.2
6	20010058	Đặng Thái Bình	Nam	07/07/2010	10.7
7	20010059	Nguyễn Quốc Hưng Bình	Nam	06/09/2010	10.2
8	20010060	Nguyễn Đức Cảnh	Nam	14/11/2010	10.7
9	20010061	Ngô Quang Cao	Nam	31/03/2009	10.4
10	20010062	Bùi Thị Minh Châu	Nữ	08/11/2010	10.3
11	20010063	Nguyễn Hoàng Châu	Nam	13/01/2010	10.5
12	20010064	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	Nữ	13/01/2010	10.4
13	20010065	Phan Minh Châu	Nữ	10/09/2010	10.7
14	20010066	Võ Ngọc Minh Châu	Nữ	24/08/2010	10.6
15	20010067	Nguyễn Thị Thanh Chúc	Nữ	12/07/2010	10.6
16	20010068	Tổng Phú Chung	Nam	02/06/2010	10.6
17	20010069	Bùi Trí Cường	Nam	01/02/2010	10.5
18	20010070	Đỗ Võ Hồng Diệu	Nữ	24/04/2010	10.6
19	20010071	Vũ Thị Huyền Diệu	Nữ	04/07/2010	10.4
20	20010072	Lê Thị Ngọc Dung	Nữ	30/09/2010	10.8
21	20010073	Lê Tiến Dũng	Nam	23/11/2010	10.2
22	20010074	Trần Đại Dũng	Nam	08/12/2010	10.3
23	20010075	Trần Minh Dũng	Nam	28/03/2010	10.7
24	20010076	Cao Tiến Duy	Nam	27/07/2010	10.5
25	20010077	Nguyễn Thanh Duy	Nam	12/05/2009	10.11
26	20010078	Vũ Đức Duy	Nam	02/01/2010	10.4

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1004 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010079	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Nữ	26/03/2010	10.8
2	20010080	Hoàng Ánh	Dương	Nữ	24/05/2010	10.4
3	20010081	Lê Võ Quang	Đại	Nam	17/04/2010	10.8
4	20010082	Trần Tấn	Đại	Nam	05/07/2010	10.9
5	20010083	Lê Phước Hữu	Đạt	Nam	15/09/2010	10.11
6	20010084	Mai Thành	Đạt	Nam	23/04/2010	10.5
7	20010085	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	31/01/2010	10.3
8	20010086	Phạm Văn Tuấn	Đạt	Nam	13/10/2010	10.1
9	20010087	Trần Cao	Đạt	Nam	03/10/2010	10.7
10	20010088	Nguyễn Văn	Đông	Nam	20/12/2009	10.5
11	20010089	Đông Minh	Đức	Nam	24/06/2010	10.8
12	20010090	Lê Khắc	Đức	Nam	09/03/2010	10.3
13	20010091	Nguyễn Ân Minh	Đức	Nam	24/02/2010	10.6
14	20010092	Nguyễn Duy	Đức	Nam	29/12/2010	10.3
15	20010093	Trần Trọng Hồng	Đức	Nam	12/02/2010	10.2
16	20010094	Trịnh Đình	Đức	Nam	22/08/2010	10.1
17	20010095	Trần Hoài	Em	Nam	19/04/2010	10.8
18	20010096	Nguyễn Phan Hoàng	Gia	Nam	27/07/2010	10.4
19	20010097	Mai Nguyễn Cẩm	Giang	Nữ	08/05/2010	10.1
20	20010098	Trương Trúc	Giang	Nữ	19/03/2010	10.2
21	20010099	Lê Ngọc	Hà	Nữ	05/06/2010	10.11
22	20010100	Tôn Văn	Hải	Nam	05/05/2010	10.5
23	20010101	Nguyễn Thanh	Hào	Nam	09/05/2010	10.10
24	20010102	Vũ Thị Bích	Hằng	Nữ	25/08/2010	10.11
25	20010103	Huỳnh Hoàng	Hân	Nữ	01/11/2010	10.8
26	20010104	Lê Ngọc Khả	Hân	Nữ	01/10/2010	10.8

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1005 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010105	Nguyễn Gia Hân	Nữ	08/07/2010	10.9
2	20010106	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	25/06/2010	10.7
3	20010107	Vũ Gia Hân	Nữ	30/09/2010	10.1
4	20010108	Nguyễn Hoàng Hiệp	Nam	23/10/2009	10.5
5	20010109	Bùi Ngọc Hiếu	Nữ	04/09/2010	10.6
6	20010110	Chu Đức Hiếu	Nam	13/07/2010	10.6
7	20010111	Ngô Trí Hiếu	Nam	14/08/2010	10.1
8	20010112	Vũ Thị Phương Hoa	Nữ	24/03/2010	10.3
9	20010113	Lê Sỹ Hoàng	Nam	30/07/2010	10.11
10	20010114	Nguyễn Hoàng	Nam	04/10/2010	10.1
11	20010115	Trần Văn Hoàng	Nam	19/07/2010	10.1
12	20010116	Lê Văn Hùng	Nam	06/04/2010	10.9
13	20010117	Nguyễn Duy Hùng	Nam	05/09/2010	10.6
14	20010118	Trần Chí Hùng	Nam	14/01/2010	10.6
15	20010119	Bồ Vương Gia Huy	Nam	02/09/2010	10.6
16	20010120	Lê Trường Huy	Nam	24/11/2010	10.4
17	20010121	Lục Lê Gia Huy	Nam	07/05/2010	10.6
18	20010122	Mai Gia Huy	Nam	16/12/2010	10.5
19	20010123	Nguyễn Bảo Huy	Nam	05/08/2009	10.4
20	20010124	Phạm Minh Huy	Nam	13/03/2010	10.6
21	20010125	Phạm Ngọc Huy	Nam	13/05/2010	10.1
22	20010126	Vũ Gia Huy	Nam	29/09/2010	10.4
23	20010127	Đào Thị Khánh Huyền	Nữ	20/06/2010	10.4
24	20010128	Nguyễn Thị Khánh Huỳnh	Nữ	26/03/2010	10.5
25	20010129	Trần Diễm Huỳnh	Nữ	06/10/2010	10.8
26	20010130	Bùi Văn Khánh Hưng	Nam	16/08/2010	10.10

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1006 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010131	Võ Khánh Hưng	Nam	27/02/2010	10.4
2	20010132	Đoàn Thị Diễm Hương	Nữ	03/09/2010	10.3
3	20010133	Nguyễn Vũ Việt Hương	Nữ	23/09/2010	10.9
4	20010134	Phạm Diệu Hương	Nữ	29/09/2010	10.8
5	20010135	Hồng Tuấn Kha	Nam	01/01/2010	10.6
6	20010136	Nguyễn Minh Kha	Nam	07/04/2010	10.9
7	20010137	Lương Hà Thái Khang	Nam	21/10/2010	10.4
8	20010138	Ngô Tấn Khang	Nam	05/04/2010	10.11
9	20010139	Nguyễn Hoài Khang	Nam	02/09/2010	10.3
10	20010140	Nguyễn Lê Khang	Nam	06/10/2010	10.11
11	20010141	Nguyễn Thái Khang	Nam	13/03/2010	10.4
12	20010142	Phạm Trần Phương Khanh	Nữ	20/10/2010	10.10
13	20010143	Nguyễn Trần Nam Khánh	Nam	19/01/2010	10.1
14	20010144	Phan Thị Vân Khánh	Nữ	18/03/2010	10.10
15	20010145	Ngô Bảo Khiêm	Nam	06/09/2010	10.11
16	20010146	Huỳnh Lê Anh Khoa	Nam	18/12/2010	10.2
17	20010147	Lê Đỗ Đăng Khoa	Nam	24/03/2010	10.9
18	20010148	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Nam	02/01/2010	10.7
19	20010149	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	Nam	15/05/2008	10.4
20	20010150	Phạm Đình Đăng Khoa	Nam	23/01/2010	10.3
21	20010151	Nguyễn Đăng Khôi	Nam	14/04/2010	10.8
22	20010152	Phạm Đăng Khôi	Nam	11/04/2009	10.10
23	20010153	Phạm Nguyễn Nguyên Khôi	Nam	22/06/2010	10.2
24	20010154	Trần Đăng Khôi	Nam	25/08/2010	10.5
25	20010155	Trần Quốc Khôi	Nam	18/06/2010	10.4
26	20010156	Nguyễn Thuận Kiều	Nữ	18/08/2010	10.8

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1007 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010157	Võ Thiên Kim	Nữ	03/04/2010	10.5
2	20010158	Nguyễn Thái An Kỳ	Nữ	18/08/2010	10.5
3	20010159	Dương Thị Hương Lài	Nữ	09/01/2010	10.7
4	20010160	Bùi Đỗ Ngọc Lan	Nữ	24/02/2010	10.8
5	20010161	Nguyễn Hoàng Lan	Nữ	02/11/2010	10.2
6	20010162	Nguyễn Ngọc Liên	Nữ	03/08/2010	10.8
7	20010163	Đào Mai Linh	Nữ	19/12/2010	10.8
8	20010164	Đặng Thị Khánh Linh	Nữ	22/02/2010	10.7
9	20010165	Đỗ Trịnh Thảo Linh	Nữ	17/02/2010	10.9
10	20010166	Hoàng Thùy Linh	Nữ	29/04/2010	10.7
11	20010167	Lương Nguyễn Khánh Linh	Nữ	30/04/2010	10.1
12	20010168	Nguyễn Hà Linh	Nữ	21/02/2010	10.9
13	20010169	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	06/08/2010	10.6
14	20010170	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	24/12/2009	10.6
15	20010171	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	04/07/2010	10.2
16	20010172	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	09/08/2010	10.2
17	20010173	Trần Ngọc Phương Linh	Nữ	19/04/2010	10.9
18	20010174	Trương Ngọc Linh	Nữ	05/08/2010	10.5
19	20010175	Trương Thị Thùy Linh	Nữ	21/05/2010	10.1
20	20010176	Trần Đức Nhất Lĩnh	Nam	11/11/2010	10.7
21	20010177	Trịnh Thị Loan	Nữ	21/11/2010	10.9
22	20010178	Hà Bảo Long	Nam	29/09/2010	10.8
23	20010179	Nguyễn Bảo Long	Nam	01/04/2010	10.1
24	20010180	Nguyễn Khắc Nhất Long	Nam	27/12/2010	10.10
25	20010181	Sơn Nhựt Long	Nam	29/10/2010	10.10
26	20010182	Thân Nguyễn Bảo Long	Nam	28/12/2010	10.9

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1008 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010183	Trần Gia Long	Nam	23/12/2010	10.2
2	20010184	Trần Hà Nhất Long	Nam	17/11/2010	10.4
3	20010185	Trần Phi Long	Nam	28/07/2010	10.3
4	20010186	Trịnh Ngô Duy Long	Nam	08/03/2010	10.1
5	20010187	Nguyễn Trần Thiên Lộc	Nam	26/01/2010	10.2
6	20010188	Trương Minh Lộc	Nam	02/09/2010	10.4
7	20010189	Võ Quốc Lộc	Nam	21/01/2010	10.5
8	20010190	Nguyễn Trí Luân	Nam	26/08/2010	10.7
9	20010191	Cao Thị Lam Ly	Nữ	18/04/2010	10.9
10	20010192	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	09/10/2010	10.11
11	20010193	Trần Lê Khánh Ly	Nữ	05/09/2010	10.8
12	20010194	Trần Thị Trúc Ly	Nữ	26/10/2009	10.7
13	20010195	Danh Thị Ngọc Mai	Nữ	19/12/2009	10.8
14	20010196	Phạm Quỳnh Mai	Nữ	19/07/2010	10.2
15	20010197	Phùng Bá Mạnh	Nam	27/05/2010	10.1
16	20010198	Đỗ Quang Minh	Nam	31/05/2010	10.6
17	20010199	Ngô Gia Minh	Nam	09/08/2010	10.11
18	20010200	Phan Phương Minh	Nam	25/12/2010	10.2
19	20010201	Thái Quốc Minh	Nam	13/01/2010	10.4
20	20010202	Trần Phạm Anh Minh	Nam	29/07/2010	10.11
21	20010203	Vũ Bảo Minh	Nam	20/11/2010	10.10
22	20010204	Vũ Nhật Minh	Nam	13/10/2010	10.1
23	20010205	Vũ Quang Minh	Nam	09/11/2010	10.3
24	20010206	Lâm Thị Kiều Mướt	Nữ	29/07/2010	10.11
25	20010207	Nguyễn Ngọc Trà My	Nữ	15/04/2010	10.7
26	20010208	Nguyễn Thị Hà My	Nữ	10/11/2010	10.3

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1009 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010209	Tô Thị Trà My	Nữ	03/07/2010	10.10
2	20010210	Viên Nguyễn Trà My	Nữ	09/01/2010	10.7
3	20010211	Phạm Thị Ngọc Mỹ	Nữ	16/09/2010	10.7
4	20010212	Trịnh Hoàng Mỹ	Nữ	18/01/2010	10.8
5	20010213	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	04/01/2010	10.11
6	20010214	Lê Phương Nam	Nam	19/03/2010	10.5
7	20010215	Trần Nguyễn Nhật Nam	Nam	26/07/2010	10.5
8	20010216	Võ Hoài Nam	Nam	10/01/2010	10.6
9	20010217	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	12/07/2010	10.11
10	20010218	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	03/09/2010	10.9
11	20010219	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	07/06/2010	10.4
12	20010220	Cao Ngọc Kim Ngân	Nữ	07/09/2010	10.1
13	20010221	Dương Kim Ngân	Nữ	10/03/2010	10.10
14	20010222	Phạm Kim Ngân	Nữ	29/09/2010	10.11
15	20010223	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	17/01/2010	10.9
16	20010224	Vũ Minh Ngân	Nữ	11/06/2010	10.6
17	20010225	Lê Đông Nghi	Nữ	20/05/2010	10.9
18	20010226	Trương Bảo Nghi	Nữ	01/02/2010	10.10
19	20010227	Nguyễn Nhân Nghĩa	Nam	02/06/2010	10.7
20	20010228	Hà Mỹ Ngọc	Nữ	24/03/2008	10.3
21	20010229	Lê Bảo Ngọc	Nữ	25/05/2010	10.1
22	20010230	Lê Bảo Ngọc	Nữ	05/06/2010	10.10
23	20010231	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	08/05/2010	10.2
24	20010232	Lê Thanh Ngọc	Nữ	21/12/2010	10.8
25	20010233	Lương Nguyễn Như Ngọc	Nữ	27/04/2010	10.4
26	20010234	Ngô Lê Khánh Ngọc	Nữ	02/01/2010	10.11

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1010 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010235	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	Nữ	12/01/2010	10.7
2	20010236	Nguyễn Xuân Bảo Ngọc	Nữ	27/12/2008	10.2
3	20010237	Phạm Minh Ngọc	Nữ	14/06/2010	10.4
4	20010238	Phan Bảo Ngọc	Nữ	01/02/2010	10.7
5	20010239	Phan Hồng Ngọc	Nữ	24/01/2010	10.2
6	20010240	Trần Đức Thế Ngọc	Nam	20/01/2010	10.7
7	20010241	Lê Hoàng Thảo Nguyên	Nữ	23/09/2010	10.10
8	20010242	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	30/08/2010	10.5
9	20010243	Quách Ngô Thanh Nguyên	Nữ	13/10/2010	10.2
10	20010244	Trần Phúc Thảo Nguyên	Nữ	05/11/2010	10.5
11	20010245	Võ Lê Vũ Nguyên	Nam	17/06/2010	10.4
12	20010246	Võ Thị Thảo Nguyên	Nữ	29/05/2010	10.6
13	20010247	Thạch Kim Duy Nguyễn	Nam	01/12/2010	10.11
14	20010248	Nguyễn Lê Ánh Nguyệt	Nữ	29/09/2010	10.3
15	20010249	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	16/11/2010	10.7
16	20010250	Phạm Thị Nhân	Nữ	23/11/2010	10.5
17	20010251	Bùi Ngọc Nhi	Nữ	10/02/2010	10.1
18	20010252	Bùi Nguyễn Phương Nhi	Nữ	16/08/2010	10.8
19	20010253	Huỳnh Gia Nhi	Nữ	14/12/2010	10.5
20	20010254	Lê Thị Tuyết Nhi	Nữ	20/09/2010	10.8
21	20010255	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	21/07/2010	10.5
22	20010256	Lê Xuân Nhi	Nữ	10/07/2010	10.2
23	20010257	Ngô Yến Nhi	Nữ	31/03/2010	10.10
24	20010258	Nguyễn Hoàng Nhi	Nam	02/05/2010	10.2
25	20010259	Nguyễn Võ Yến Nhi	Nữ	06/08/2010	10.9
26	20010260	Trần Nguyễn Ái Nhi	Nữ	23/06/2010	10.8

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1011 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010261	Trịnh Thị Thảo Nhi	Nữ	31/03/2010	10.1
2	20010262	Võ Bùi Yến Nhi	Nữ	01/11/2010	10.9
3	20010263	Lê Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	11/07/2010	10.5
4	20010264	Nguyễn Ngọc Hồng Nhung	Nữ	11/08/2010	10.3
5	20010265	Cao Thị Tâm Như	Nữ	05/06/2010	10.8
6	20010266	Đình Nguyễn Ngọc Như	Nữ	27/10/2010	10.1
7	20010267	Đình Nguyễn Tâm Như	Nữ	02/01/2010	10.4
8	20010268	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	18/06/2010	10.7
9	20010269	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	28/07/2010	10.7
10	20010270	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	04/02/2010	10.8
11	20010271	Nguyễn Yên Như	Nữ	20/09/2010	10.6
12	20010272	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	29/07/2010	10.11
13	20010273	Trần Bảo Như	Nữ	28/06/2010	10.5
14	20010274	Trần Tiên Như	Nữ	19/02/2010	10.1
15	20010275	Vũ Quỳnh Như	Nữ	27/04/2010	10.1
16	20010276	Nguyễn Thanh Nhứt	Nam	20/04/2010	10.8
17	20010277	Hồ Kim Minh Nhứt	Nam	15/08/2010	10.7
18	20010278	Tăng Xuân Nữ	Nữ	24/08/2010	10.9
19	20010279	Nguyễn Gia Phát	Nam	18/08/2010	10.1
20	20010280	Nguyễn Thành Phát	Nam	02/03/2010	10.2
21	20010281	Phan Công Phát	Nam	05/09/2010	10.1
22	20010282	Võ Minh Phát	Nam	29/09/2010	10.11
23	20010283	Nguyễn Gia Phong	Nam	05/04/2010	10.10
24	20010284	Phạm Đình Quốc Phong	Nam	28/08/2010	10.7
25	20010285	Trần Sỹ Đình Phong	Nam	20/04/2010	10.5
26	20010286	Nguyễn Ngọc Phú	Nam	12/10/2010	10.4

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1012 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010287	Đỗ Gia Phúc	Nam	05/12/2010	10.7
2	20010288	Đỗ Hà Gia Phúc	Nữ	24/08/2010	10.5
3	20010289	Hoàng Hồng Phúc	Nam	26/09/2010	10.2
4	20010290	Lâm Gia Phúc	Nam	17/11/2010	10.7
5	20010291	Nguyễn Minh Phúc	Nam	12/09/2010	10.6
6	20010292	Phan Phương Phúc	Nam	27/05/2010	10.3
7	20010293	Diệp Thiên Phụng	Nữ	29/04/2010	10.7
8	20010294	Huỳnh Gia Phước	Nam	25/07/2010	10.3
9	20010295	Trần Thanh Phước	Nam	18/01/2010	10.8
10	20010296	Dương Xuân Phương	Nữ	19/10/2009	10.9
11	20010297	Đặng Tiểu Phương	Nữ	25/08/2010	10.1
12	20010298	Lương Khánh Phương	Nam	30/01/2010	10.7
13	20010299	Phạm Thị Phương	Nữ	24/04/2010	10.1
14	20010300	Vũ Thu Phương	Nữ	05/08/2010	10.6
15	20010301	Trần Nhã Phương	Nữ	21/12/2010	10.6
16	20010302	Trương Thị Kim Phương	Nữ	16/07/2010	10.11
17	20010303	Cao Hữu Quang	Nam	27/06/2010	10.3
18	20010304	Hồ Nhật Quang	Nam	24/08/2010	10.7
19	20010305	Nguyễn Xuân Minh Quang	Nam	29/04/2010	10.3
20	20010306	Trần Minh Quang	Nam	03/04/2010	10.7
21	20010307	Lê Trần Minh Quân	Nam	06/05/2010	10.2
22	20010308	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	03/06/2010	10.5
23	20010309	Trịnh Văn Quân	Nam	08/04/2010	10.5
24	20010310	Phạm Phú Quý	Nam	14/11/2010	10.1
25	20010311	Lê Thị Lệ Quyên	Nữ	25/06/2010	10.9
26	20010312	Lương Thị Ngọc Quyên	Nữ	18/03/2010	10.5

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1013 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010313	Ngô Triệu Bảo Quyên	Nữ	08/10/2010	10.1
2	20010314	Trần Phạm Tú Quyên	Nữ	11/05/2010	10.3
3	20010315	Võ Nguyễn Tú Quyên	Nữ	14/05/2010	10.9
4	20010316	Mai Thị Quỳnh	Nữ	27/03/2009	10.2
5	20010317	Nguyễn Ngọc Tú Quỳnh	Nữ	23/11/2010	10.6
6	20010318	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	10/02/2010	10.9
7	20010319	Phạm Giang Quỳnh	Nữ	27/08/2010	10.3
8	20010320	Phan Ngọc Nhã Quỳnh	Nữ	26/02/2010	10.8
9	20010321	Trịnh Phương Quỳnh	Nữ	23/02/2010	10.2
10	20010322	Nguyễn Minh Sang	Nam	07/04/2007	10.10
11	20010323	Nguyễn Thanh Sang	Nam	30/01/2010	10.5
12	20010324	Nguyễn Anh Thế Sơn	Nam	21/11/2010	10.7
13	20010325	Nguyễn Hoàng Thái Sơn	Nam	02/05/2010	10.3
14	20010326	Nguyễn Văn Sơn	Nam	02/01/2010	10.7
15	20010327	Trần Thị Thu Sương	Nữ	14/06/2010	10.5
16	20010328	Đỗ Thành Tài	Nam	25/01/2010	10.1
17	20010329	Lê Đình Tài	Nam	16/03/2010	10.2
18	20010330	Nguyễn Huỳnh Tấn Tài	Nam	08/09/2010	10.7
19	20010331	Nguyễn Tấn Tài	Nam	05/03/2010	10.9
20	20010332	Trần Tấn Tài	Nam	23/08/2010	10.4
21	20010333	Đinh Ngọc Tâm	Nam	05/12/2010	10.2
22	20010334	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	09/08/2010	10.2
23	20010335	Nguyễn Đức Tấn	Nam	17/06/2008	10.10
24	20010336	Phạm Hồng Thanh	Nam	02/11/2010	10.1
25	20010337	Nguyễn Lê Phương Thảo	Nữ	27/04/2010	10.8
26	20010338	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	06/11/2009	10.10

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỖNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1014 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010339	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	02/05/2009	10.9
2	20010340	Thân Thị Thanh Thảo	Nữ	18/09/2010	10.2
3	20010341	Ngô Hồng Thắm	Nữ	06/01/2008	10.6
4	20010342	Lê Ngọc Anh Thi	Nữ	07/06/2010	10.4
5	20010343	Liu Đức Thịnh	Nam	26/06/2010	10.11
6	20010344	Nguyễn Minh Thọ	Nam	20/06/2009	10.3
7	20010345	Vi Thị Kim Thoa	Nữ	16/07/2010	10.5
8	20010346	Nguyễn Mai Hoàng Thông	Nam	21/10/2010	10.6
9	20010347	Phan Huy Thông	Nam	05/01/2010	10.6
10	20010348	Chu Thị Anh Thơ	Nữ	27/05/2010	10.4
11	20010349	Đặng Anh Thơ	Nữ	08/02/2010	10.9
12	20010350	Trần Thị Hồng Thu	Nữ	27/08/2010	10.6
13	20010351	Nguyễn Minh Thuận	Nam	12/04/2010	10.10
14	20010352	Phạm Minh Thuận	Nam	03/03/2010	10.6
15	20010353	Nguyễn Ngọc Thùy	Nữ	30/05/2010	10.4
16	20010354	Nguyễn Thị Như Thùy	Nữ	28/06/2010	10.9
17	20010355	Võ Lê Thanh Thùy	Nữ	20/04/2010	10.4
18	20010356	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	23/02/2010	10.11
19	20010357	Đặng Thị Thanh Thư	Nữ	18/05/2010	10.3
20	20010358	Hà Thị Minh Thư	Nữ	22/06/2010	10.8
21	20010359	Lê Thị Minh Thư	Nữ	30/12/2010	10.4
22	20010360	Lê Thị Minh Thư	Nữ	26/08/2010	10.5
23	20010361	Lê Trần Minh Thư	Nữ	03/05/2010	10.6
24	20010362	Tổng Thị Anh Thư	Nữ	06/12/2010	10.3
25	20010363	Trần Huỳnh Minh Thư	Nữ	09/09/2010	10.1
26	20010364	Vương Hoàng Thư	Nữ	18/11/2010	10.1

Danh sách này có 26 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1015 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010365	Trần Duy Thử	Nam	05/01/2010	10.1
2	20010366	Ngô Phạm Minh Thương	Nữ	25/06/2010	10.3
3	20010367	Trần Hoài Thương	Nam	02/04/2008	10.5
4	20010368	Võ Ngọc Hoài Thương	Nữ	26/05/2010	10.9
5	20010369	Nguyễn Bảo Thy	Nữ	01/11/2009	10.8
6	20010370	Phạm Ngọc Bảo Thy	Nữ	16/04/2010	10.1
7	20010371	Trần Nguyễn Nhã Thy	Nữ	21/04/2010	10.8
8	20010372	Lê Thị Thanh Tiên	Nữ	10/07/2010	10.4
9	20010373	Trần Minh Tiến	Nam	31/03/2010	10.6
10	20010374	Dương Nguyễn Trọng Tín	Nam	06/06/2010	10.3
11	20010375	Nguyễn Hà Ngọc Trang	Nữ	25/04/2010	10.2
12	20010376	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	12/10/2010	10.5
13	20010377	Nguyễn Trần Yến Trang	Nữ	08/12/2010	10.4
14	20010378	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	03/10/2009	10.6
15	20010379	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	08/12/2010	10.9
16	20010380	Trần Bảo Trâm	Nữ	02/07/2010	10.3
17	20010381	Nguyễn Thái Bảo Trân	Nữ	25/02/2010	10.7
18	20010382	Ngô Công Trí	Nam	27/03/2010	10.6
19	20010383	Hồ Thị Phương Trinh	Nữ	25/05/2010	10.10
20	20010384	Lê Phương Trinh	Nữ	25/06/2010	10.8
21	20010385	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh	Nữ	01/07/2010	10.4
22	20010386	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nữ	27/04/2010	10.9
23	20010387	Trần Diễm Trinh	Nữ	14/09/2010	10.8
24	20010388	Võ Thị Kiều Trinh	Nữ	18/09/2010	10.4
25	20010389	Lê Phú Trọng	Nam	06/07/2010	10.1

Danh sách này có 25 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1016 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp
1	20010390	Trương Minh Trọng	Nam	30/09/2010	10.5
2	20010391	Đoàn Thị Thanh Trúc	Nữ	29/09/2010	10.9
3	20010392	Nguyễn Ngọc Diễm Trúc	Nữ	25/05/2010	10.4
4	20010393	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	06/10/2010	10.2
5	20010394	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	26/10/2010	10.5
6	20010395	Đỗ Thành Trung	Nam	13/12/2010	10.2
7	20010396	Nguyễn Chánh Trung	Nam	20/09/2010	10.2
8	20010397	Nguyễn Trí Thành Trung	Nam	11/01/2010	10.11
9	20010398	Trần Thanh Trung	Nam	15/02/2009	10.10
10	20010399	Huỳnh Tấn Trường	Nam	19/03/2010	10.3
11	20010400	Lê Trọng Trường	Nam	21/08/2010	10.10
12	20010401	Lê Văn Quang Trường	Nam	19/12/2009	10.11
13	20010402	Nguyễn Huỳnh Nhật Trường	Nam	03/06/2010	10.9
14	20010403	Ma Đình Anh Tú	Nam	13/08/2010	10.10
15	20010404	Phạm Văn Tuấn Tú	Nam	16/02/2010	10.2
16	20010405	Trần Duy Tú	Nam	19/11/2010	10.5
17	20010406	Trần Đức Anh Tuấn	Nam	30/01/2010	10.3
18	20010407	Nguyễn Dương Hiếu Tuyền	Nữ	24/11/2007	10.1
19	20010408	Nguyễn Ngọc Tỷ	Nam	04/04/2006	10.4
20	20010409	Ngô Nhã Uyên	Nữ	10/06/2010	10.7
21	20010410	Nguyễn Hoàng Mỹ Uyên	Nữ	10/03/2010	10.7
22	20010411	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	Nữ	28/09/2010	10.11
23	20010412	Nguyễn Phương Uyên	Nữ	22/07/2010	10.2
24	20010413	Nguyễn Thị Vân	Nữ	05/08/2010	10.5
25	20010414	Phạm Thị Ngọc Vân	Nữ	20/05/2010	10.6

Danh sách này có 25 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Tài

TRƯỜNG THPT HUỶNH VĂN NGHỆ
KIỂM TRA TẬP TRUNG - KHỐI 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1017 - Môn Toán, Văn, Anh, Sử - K10

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	
1	20010415	Trần Ngọc Xuân	Vi	Nữ	13/02/2010	10.8
2	20010416	Bùi Đại	Vĩ	Nam	03/08/2010	10.2
3	20010417	Nguyễn Đức	Vinh	Nam	12/11/2010	10.5
4	20010418	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	02/11/2010	10.6
5	20010419	Trần Công	Vinh	Nam	20/10/2010	10.10
6	20010420	Vũ Thành	Vinh	Nam	28/04/2010	10.1
7	20010421	Lê Văn Anh	Vũ	Nam	08/05/2010	10.9
8	20010422	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	03/12/2010	10.5
9	20010423	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	27/01/2010	10.1
10	20010424	Châu Đào Yên	Vy	Nữ	05/03/2010	10.4
11	20010425	Lâm Khánh	Vy	Nữ	22/07/2010	10.7
12	20010426	Nguyễn Đăng Tường	Vy	Nữ	04/04/2010	10.3
13	20010427	Phạm Minh	Vy	Nữ	30/03/2010	10.10
14	20010428	Trần Thị Kiều	Vy	Nữ	13/10/2010	10.10
15	20010429	Trần Triệu	Vy	Nữ	06/08/2010	10.10
16	20010430	Huỳnh Như	Xuân	Nữ	04/02/2010	10.2
17	20010431	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	Nữ	06/02/2010	10.4
18	20010432	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	23/06/2010	10.4
19	20010433	Phan Ngọc Như	Ý	Nữ	01/07/2010	10.4
20	20010434	Lê Thị Ngọc	Yên	Nữ	07/08/2010	10.4
21	20010435	Mai Thị Bảo	Yên	Nữ	19/03/2010	10.9
22	20010436	Phạm Thị Ngọc	Yên	Nữ	27/11/2010	10.11
23	20010437	Trần Ngọc Nhi	Yên	Nữ	17/05/2010	10.5
24	20010438	Trần Thị Hải	Yên	Nữ	17/09/2010	10.6
25	20010439	Trần Thị Phương	Yên	Nữ	20/07/2010	10.4

Danh sách này có 25 học sinh.

Ngày 18 tháng 12 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Tài